

Ôn tập HK1 Tiếng Anh 6.

I. Vocabulary: Unit 1,2,3 và U4

II. Pronunciation: /ɪ/ live, idea; /bl/ black, blond; /əʊ/ show

III. Grammar:

- Thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn.
- Thì hiện tại tiếp diễn diễn tả sự việc ở tương lai gần.
- Sở hữu của danh từ riêng: Ben's...
- Từ nối “and” và “or”
- Đại từ sở hữu: mine, yours...
- like + Ving
- Trạng từ chỉ tần suất: always, usually...

IV. Đoạn văn: - 02 đoạn văn trong sách STUDENT’S BOOK nội dung HK1.

- + Unit 1_Lesson 1_ P.9 (Ken’s corner); Unit 1_Lesson 3_ P.13(Cần Thơ)
- + Unit 2_Lesson 1_ P.17 (School clubs); Unit 2_Lesson 3_ P.21 (My favorite novel)
- + Unit 3_Lesson 3_ P.29 (Tắm Cắm)
- + Unit 4_Lesson 3_ P.37 (A famous Festival in Viet Nam)

V. Word form

UNIT 1	NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB	Meaning
1	fame		famous (for)		nổi tiếng
2	beauty		beautiful	beautifully	xinh đẹp
3	farm→ farmer				nông trại/nông dân
4			bright	brightly	sáng
5	tour→tourist				du lịch/khách du lịch
UNIT 2	NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB	
6	writer	write			người viết/ viết
8	interest	interest	interesting/interest ed		Thú vị
9	Novel →novelist				Tiểu thuyết
10	fantasy		fantastic		Kì ảo
11	peace		peaceful		nhà sĩ/ nhà khoa
12		bore	Boring/ bored		Buồn chán/tẻ nhạt
13	magic		magical		Phép thuật, ma thuật
UNIT 3	NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB	
14	fun		funny		hài hước/ vui vẻ
15	difference	differ	different	differently	khác biệt
16	friend		friendly		bạn/ thân thiện
17		help	helpful		hay giúp đỡ người khác
18	kindness		kind	kindly	tử tế/ tốt bụng
19	laziness		lazy		lười biếng
20	selfishness		selfish	selfishly	ích kỷ
UNIT 4	NOUN	VERB	ADJECTIVE	ADVERB	
21	tradition		traditional	traditionally	truyền thống
22	performance→performer	perform			màn trình diễn/người trình diễn
23	festival		festive		lễ hội
24	luck		lucky		may mắn

Grammar HK1 Tiếng Anh 6.

I. PRONOUNS

***Cấu trúc câu tiếng Anh**

Chủ ngữ + Động từ

Chủ ngữ + Động từ + Tân ngữ

E.g:

I	love	you
Subject (Chủ ngữ)	Verb (động từ)	Object (Tân ngữ)



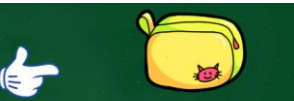

- *Subject Pronouns*: Đại từ chủ ngữ → Đứng trước động từ, làm chủ ngữ.

ENGLISH PRONOUNS				
	Subject Pronouns	Object Pronouns	Possessive Adjectives	Possessive Pronouns
1st person	I	me	my	mine
2nd person	you	you	your	yours
3rd person (male)	he	him	his	his
3rd person (female)	she	her	her	hers
3rd thing	it	it	its	(not used)
1st person (Plural)	we	us	our	ours
2nd person (Plural)	you	you	your	yours
3rd person and thing (Plural)	they	them	their	theirs

E.g: **She** is a student.- *Object Pronouns*: Đại từ tân ngữ → Đi theo sau động từ hoặc giới từ.E.g: Can I try **them** on ?- *Possessive Adjectives*: Tính từ sở hữu → Đứng trước danh từ (luôn phải có danh từ đi kèm)E.g: **My** car is blue. **Her** car is red.- *Possessive Pronouns*: Đại từ sở hữu → Đứng đầu câu làm chủ ngữ, hoặc sau động từ và giới từ làm tân ngữ (không dùng thêm danh từ đi kèm)E.g: My car is blue. **Hers** is red. (Hers = her car)Your children are playing with **ours**. (Ours = our children)

II. DEMONSTRATIVE

This / That- These / Those

	SINGULAR		PLURAL	
NEAR	This	 * This is a pen.	These	 * These are pineapples.
FAR	That	 * That is a pencil case.	Those	 * Those are my friends.

II. TENSES**Hiện tại đơn và Hiện tại tiếp diễn*****Động từ “to be”:**

(+) S + **am/is/are** + ...

(-) S + **am not/ isn't/ aren't** + ...

(?) **Am/ Is/ Are** + S + ...? → Yes, S **am/is/are.** / No, S + **am not/ isn't/ aren't**

***Note:** am not (không viết tắt)

is not = isn't

are not = aren't

***Động từ thường:**

	HIỆN TẠI ĐƠN	HIỆN TẠI TIẾP DIỄN
+	S + V₁/ V_(s/es) He <u>plays</u> tennis.	S + am/is/are + V_{ing} The children <u>are playing</u> football now.
-	S + do not/ does not + V_{inf} She <u>doesn't play</u> tennis.	S + am/is/are + not + V_{ing} The children <u>are not playing</u> football now.
?	Do/Does + S + V_{inf}? <u>Do you play</u> tennis?	Am/Is/Are + S + V_{ing}? <u>Are the children playing</u> football now?
Dấu hiệu nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> every ... always often normally usually sometimes seldom never first then 	<ul style="list-style-type: none"> at this moment at the moment at this time at the present today now right now for the time being (now) Listen! Look!
Cách sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> Dùng để diễn tả các sự việc xảy ra mang tính chất cố định như thói quen, việc mang tính quy luật, chân lý, sự thật hiển nhiên Dùng để cung cấp thông tin cá nhân (tên/ tuổi/ nghề nghiệp/ sở thích... của một người) hay trạng thái/ cảm xúc của người đó. Dùng để diễn tả lịch trình, thời gian biểu (giao thông công cộng, phim,...) 	<p>Diễn tả hành động đang xảy ra ở thời điểm nói. Diễn tả những hành động có tính chất tạm thời. Diễn đạt một hành động đang xảy ra không nhất thiết tại thời điểm nói. Diễn đạt một hành động sắp xảy ra trong tương lai gần. Thường diễn tả một kế hoạch đã được lên lịch sẵn.</p>

III. STRUCTURE:**1. Suggestions**

- Let's + Vo ...?
- Why don't we/you + Vo ...?
- How/What about + V_{ing} ...?
- Would you like + to Vo ...? = Do you want to Vo...?

Ex: Let's **see** a movie.

= Why don't we **see** a movie?

= How about **seeing** a movie?

= Would you like **to see** a movie?

2. be into, be interested in, be keen on, be fond of + V_{ing} <=> like / love / enjoy + V_{ing}

Ex: I like listening to music.

= I am into listening to music.

3. There is / There are + ... → S + have/has ...

Ex: There are 45 students in my class.

→ My class has 45 students.

= What is the price of these flower?

4. S + like(s)... best/ like ... most → tính từ sở hữu / sở hữu cách + favorite + N

Ex: He likes English best. → His favorite subject is English.

Nga likes apple juice most. → Nga's favorite drink is apple juice.

5. Possessive adjective <=> possessive pronoun.

Ex: This house is not my house.

=> This house is not mine.

6. Noun phrase: (a/an) + adj + Noun

Ex: The school is big.

=> It's a big school

BÀI LUYỆN TẬP ÔN CUỐI HỌC KÌ 1

I. Find the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

- | | | | |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| 1. A. school <u>s</u> | B. town <u>s</u> | C. hospital <u>s</u> | D. park <u>s</u> |
| 2. A. countrysi <u>d</u> e | B. villag <u>e</u> | C. ri <u>v</u> er | D. di <u>s</u> h |
| 3. A. biologi <u>y</u> | B. geograph <u>y</u> | C. chemist <u>r</u> y | D. tr <u>y</u> |
| 4. A. novel <u>s</u> | B. subject <u>s</u> | C. play <u>s</u> | D. capital <u>s</u> |
| 5. A. <u>b</u> lond | B. vegetab <u>l</u> e | C. <u>b</u> lack | D. <u>b</u> lanket |
| 6. A. li <u>g</u> ht | B. stri <u>p</u> e | C. sl <u>i</u> m | D. fi <u>n</u> e |
| 7. A. sh <u>o</u> w | B. T <u>o</u> wn | C. fl <u>o</u> wer | D. c <u>o</u> w |
| 8. A. alway <u>s</u> | B. parad <u>e</u> s | C. firework <u>s</u> | D. sometime <u>s</u> |

II. Find the word that differs from the other three in the position of primary stress.

- | | | | |
|------------------|--------------|----------------|---------------|
| 1. 3. A. balcony | B. apartment | C. business | D. restaurant |
| 2. 4. A. kitchen | B. dinner | C. shopping | D. Museum |
| 3. A. fantasy | B. history | C. favorite | D. adventure |
| 4. 4. A. novel | B. decide | C. author | D. Science |
| 5. A. later | B. tonight | C. weekend | D. Monday |
| 6. A. movie | B. party | C. pizza | D. invite |
| 7. A. lucky | B. before | C. pizza | D. visit |
| 8. A. tradition | B. important | C. performance | D. Halloween |






III. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.



- Can you please help me _____? The clothes are dirty.
A. do the laundry B. clean the bathroom C. make dinner D. do the dishes
- A _____ has many big buildings, schools, and hospitals.
A. countryside B. city C. village D. island
- My mother usually _____ the dishes.
A. do B. does C. makes D. make
- His dad is a _____ in a restaurant.
A. teacher B. chef C. student D. farmer
- Cần Thơ is in the Mekong Delta, _____ the Hậu River.
A. in B. on C. to D. with
- Burano Island is in the south of _____.
A. Vietnam B. Italy C. England D. France
- _____ your apartment _____ a yard?
A. Do - have B. Does - have C. Do - has D. Does - has
- "_____ " - "She does the dishes."
A. What housework does your sister do? B. Where does she live?

- C. What does she like? D. Where is her hometown ?
9. Cần Thơ is famous for _____ and beautiful rivers.
A. painted houses B. floating markets C. tall buildings D. old museums
10. Tom _____ in the morning.
A. makes dinner B. makes breakfast C. do the shopping D. do the dishes
11. I like computers. That's why I like _____.
A. I.T B. P.E C. history D. physics
12. Why don't you _____ for the Book Club? Reading books is good for you.
A. sign away B. sign off C. sign up D. sign from
13. He doesn't like _____ the housework.
A. does B. doing C. do D. to do
14. The _____ of the Yellow Flowers on the Green Grass is Nguyen Nhat Anh.
A. name B. actor C. student D. author
15. Why do you like this book? – I think it's very _____.
A. boring B. dancing C. favorite D. exciting
16. Tuan likes acting. He wants to join in the _____ at school.
A. book club B. math C. arts and crafts D. drama club
17. This is a _____ between you and me. Don't tell anyone about it.
A. secret B. wind C. fantasy D. adventure
18. I like Math and English . I don't like Physics _____ I.T..
A. or B. and C. but D. so
19. This _____ novel is fun for children of all ages .
A. adventure B. magic C. secret D. fantasy
20. What's your favorite ice cream ? _____ is chocolate .
A. Yours B. Me C. My D. Mine
21. Today we're wearing _____ because it's hot.
A. shirts B. hats C. sweaters D. jackets
22. We're having _____ in our garden on the weekend.
A. video games B. badminton C. a barbecue D. picnic
23. Rachel is very _____. She doesn't like working at all.
A. lazy B. mean C. serious D. kind
24. My friend, Mary is very _____. She likes helping people all the time.
A. selfish B. lazy C. slim D. kind
25. Alice always thinks about herself and never about other people. She's _____.
A. kind B. selfish C. lazy D. slim
26. Don't be so selfish. You should share your candy _____ your friends.
A. to B. for C. from D. with
27. Let's _____. I want to buy some things.
A. does shopping B. goes shopping C. play shopping D. go shopping
28. Sorry, I can't. I _____ badminton with my brother now.
A. play B. playing C. am playing D. plays
29. What are you doing _____?
A. last night B. every day C. yesterday D. tomorrow
30. A: See you soon. B: _____.
A. Yes, that's right B. Talk to you later C. You're welcome D. Hmm, I don't know.
31. He _____ plays soccer with his friends every day.
A. never B. rarely C. sometimes D. always
32. I _____ hopscotch with my friends at school.
A. rarely do B. rarely play C. rarely plays D. are rarely playing
33. Mary: How often do you do martial arts?
34. Jenny: _____.
A. Next Saturday B. Yes, of course. C. Good idea D. Three times a week.

35. She _____ goes out after 9 pm because it's dangerous.
A. never B. sometimes C. always D. usually
36. Everyone is happy and excited _____ the Lunar New Year.
A. about B. at C. with D. on
37. My mom _____ lunch and dinner for my family every day.
A. cooked B. cook C. cooks D. is cooking
38. People _____ their houses with fruit and vegetables at Kwanzaa.
A. clean B. decorate C. celebrate D. perform
39. I want to check out the _____. All the dishes look delicious.
A. food stands B. talent show C. puppet show D. tug of war
40. Ted is good at dancing. He is going to sign up for the _____.
A. fashion show B. festival C. talent show D. puppet show
41. During *Tết*, people often _____ their relatives and friends.
A. have B. visit C. invite D. go to
42. There is the movie Harry Potter _____ at 8p.m on Channel 7 tonight.
A. on B. in C. out D. up
43. Cai Luong has a long story, starting at the _____ of the 20th century.
A. begin B. begins C. beginning D. to begin

IV. Read the signs and choose the best answer.

1. What is it?		A. A pool B. A yard C. A balcony D. A garage
2. What does the sign say?		A. Turn left B. Turn right C. No left turn D. No right turn
3. What subject is it?		A. Music B. Math C. Art D. History
4. What does the picture mean?		A. Sign of B. Sign up C. Sign off D. Sign in
5. What does the sign say?		A. You can park here. B. There is a park near here. C. No parking here. D. You shouldn't park here.

6. What does the sign mean?		A. The café opens in the evening. B. The café opens at 8a.m. and closes at 4p.m. C. The café opens after 16:00. D. The café doesn't close in the evening.
7. What does the sign mean?		A. This store opens at 7 o'clock. B. This store closes at 7 o'clock. C. This store opens on 24 th July. D. This store is always open.

V. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the space in the following passage.

PASSAGE 1: P.29 (Tấm Cám)

Tam Cam is a story about two (17) _____ with different characters. Tam is very nice and kind because she (18) _____ hard every day for the family, shares food and takes care of a little fish. Cam is very mean; she (19) _____ works and does many (20) _____ things to Tam. They both meet a king (21) _____ he only likes Tam. The king and Tam fall in love (22) _____ each other and get married.

- | | | | |
|----------------|-------------|------------|------------|
| 17. A. sisters | B. brothers | C. girl | D. person |
| 18. A. studies | B. works | C. teaches | D. plays |
| 19. A. always | B. often | C. never | D. regular |
| 20. A. lovely | B. nice | C. good | D. bad |
| 21. A. but | B. because | C. so | D. between |
| 22. A. from | B. with | C. for | D. at |

PASSAGE 2: P.37 (A famous Festival in Viet Nam)

In Vietnam, people (19) _____ many different festivals each year. The biggest festival in Vietnam is *Tết*. This celebrates the beginning of the Lunar New Year. Vietnamese people have to prepare a lot for this festival. (20) _____ *Tết*, people buy fruits and flowers (21) _____ the market and decorate their houses. Most people buy a special tree with lots of (22) _____. In the north of Vietnam, people buy peach trees with pink flowers. In the south, people buy apricot trees with yellow flowers. Everyone cleans their house before *Tết*. This is very important because you shouldn't clean it during *Tết*. During *Tết*, people visit (23) _____ family and friends. Few people go to school or work. Children wear new clothes and get lucky money. It's a great time to watch lion dances and fireworks. Everyone is happy and (24) _____ about the New Year. Vietnamese people love to celebrate this festival.

- | | | | |
|------------------|---------------|---------------|----------------|
| 19. A. Celebrate | B. celebrates | C. celebrated | D. celebrating |
| 20. A. During | B. After | C. Before | D. When |
| 21. A. of | B. from | C. out | D. on |
| 22. A. fruits | B. flowers | C. leaves | D. clothes |
| 23. A. his | B. our | C. they | D. their |
| 24. A. Excited | B. exciting | C. boring | D. bored |

VI. Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 27 and 28.

We have lots of fun clubs at our school. If you like outdoor activities, the Basketball Club meets at 3 p.m. Every Monday, with the Football Club at the same time on Wednesdays. For indoor activities, the Dance Club starts next Tuesday. It is popular so please sign up on the noticeboard. The Drama Club welcomes anyone who likes acting. On Fridays, Our Arts and Crafts Club is for people who like making things. The cost is \$10 per term for materials.

23. We have lots of boring clubs at our school. _____
24. The Football club is on Sundays. _____
25. It is popular so please sign up on the noticeboard. _____

26. The Dance club starts next Tuesday _____

27. Which club needs money?

A. The football club B. The Dance club C. The Arts and Crafts club D. A and D

28. Does Drama club welcome anyone who likes acting?

A. No, it doesn't B. Yes, it does C. Yes, it is D. No, it isn't

PASSAGE 4: KEN'S CORNER (P.9)

Today I want to talk about housework in my family. I think I do the most housework in my family. I clean the kitchen every day. I do the dishes, too. My mom does the shopping. She's a teacher in a school. My sister is a college student. She doesn't do anything! She doesn't make her bed or clean her room. My dad cleans her room after work. He's a **chef** in a restaurant so he makes dinner. He does the laundry and cleans the bathroom, too. Hmm. Now, I really think about it, my dad does the most housework.

True or False

1. Ken writes about his family. _____
2. Ken's sister does the shopping. _____
3. Ken's mom makes dinner. _____
4. Ken's dad does the most housework in his family. _____

Choose the correct answers:

5. The word "chef" means _____.
A. a person whose job is teaching
B. a person whose job is to cook
C. a person whose job is to take care of people
D. a person who sings
6. The text is about
A. Ken's family.
B. Ken's school.
C. Ken likes soccer.
D. Ken does the housework.

VII. Use the correct form of the word given in each sentence.

1. These houses are very _____. (beauty)
2. Luca smiles _____. (bright)
3. _____ grow rice in Cần Thơ. (farm)
4. Ho Chi Minh city is an important center for business and _____. (transport)
5. Sơn Tùng is a _____ singer. (fame)
6. We don't have money to _____ a house. (building)
7. My favorite sport is tennis. What's _____? (you)
8. There's a book club. Do you like _____? (read)
9. It is a _____ village with green grass, trees and yellow flowers. (peace)
10. Yellow Flowers on the Green Grass is an _____ novel. (interest)
11. He loves doing outdoor _____ like football and cycling. (activity)
12. Would you like to go to the _____ of our drama group this evening? (perform)
13. She is pretty, with long hair and a _____ smile. (friend)
14. He always helps me, he is very _____. (help)
15. Cám is very _____ to Tấm. (differ)
16. Lots of students in our class like him because he's _____. (fun)
17. He often go _____ on Sundays. (swim)
18. Thanks for _____ me. (invite)
19. What time _____ this fashion show _____? (START)
20. Daniel _____ plays tennis with his best friend on Sundays. (USUAL)
21. During Tết, children wear new clothes and receive _____ money. (LUCK)
22. There are many great _____ at the music festival. (PERFORM)
23. Mike is very _____. When I can't do my homework, he helps me. (help)
24. Most of my _____ like adventure stories. (friendly)

25. We are really _____ in watching parades. (interest)
26. Lisa found a pink hat. Is it _____? (you)
27. My sister and I like _____. What about you? (run)
28. Sam _____ does yoga on Saturdays. (usual)
29. _____ grow rice in Cần Thơ. (farm)
30. He doesn't think about other people, he is very _____. (self)
31. Students _____ a role or part for an audience. (performance)
32. Mai _____ jogs in the park with her sister in the mornings. (usual)
33. Jane always makes me laugh. She is so _____. (fun)
34. Ho Chi Minh city is an important center for business and _____. (transport)
35. She is pretty, with long hair and a _____ smile. (friend)
36. Daniel _____ plays tennis with his best friend on Sundays. (usual)
37. My sister often _____ her room with flowers. (decoration)
38. Lots of students in our class like him because he's _____. (fun)
39. There's a book club. Do you like _____? (read)
40. During Tết, people eat lots of _____ food and sing karaoke. (tradition)
41. I _____ go running after school. (rare)
42. The fashion show _____ at 7 p.m on Sunday evening. (start)
43. She is pretty, with long hair and a _____ smile. (friend)
44. My Mom does the most _____ in my family. (house)
45. She likes _____ movies in her free time. (watch)

VIII. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences.

1. goes to / twice a week / My mother / the gym / .//
→ My mother _____
2. is very cold / and warm / New York City / in the winter / in the summer / .//
→ New York City _____
3. for ? / which club / to sign up / you want / do //
→ Which club _____
4. is / favorite / activity. / my / outdoor / playing soccer //
→ Playing soccer _____
5. sweater / She / a / yellow / is wearing / . //
→ She _____
6. tall and / has / He's / glasses / . //
→ He's _____
7. sometimes / My mother / me / with / helps / my homework / .
→ My _____
8. get gifts / People / in December / and / decorate trees / .
→ People _____

IX. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it.

1. There is a gym in my apartment.
→ My apartment _____
2. The village is big.
→ It's a _____
3. There are three rooms in her house.
→ Her house _____
4. She has long black hair.
Her _____
5. My eyes are blue.
→ I _____
6. What about going to the beach?
→ Let's _____

7. They don't want to work.
→ They're _____
8. . What subject do you like ?
→ What is _____
9. What is her favorite book ?
→ What book _____
10. I like English best .
→ My favorite _____
11. He likes Math and History .
→ His favorite _____
12. Let's play tug of war after school.
→ Why don't _____
13. There are many delicious dishes in Vietnam.
→ Vietnam has _____.
14. Let's watch a talent show!
→ Why don't _____?
15. She likes Biology and I.T.
→ Her _____.
16. Joey wants some chicken pasta.
→ Joey _____.
17. There are many flowers in my garden.
→ My garden _____
18. Lan has long black hair.
→ Lan's hair _____
19. Let's go to the movie theater tonight.
→ What about _____
20. Let's go to the fashion show
→ How about _____?
21. There are three rooms in my house
→ My house _____
22. Her favorite subject isn't Geography
→ She _____
23. Nga likes Math best.
→ Math is _____
24. He likes Physics most.
→ His _____
25. His eyes are blue
→ He has _____
31. Children always go to school early
→ Children never _____
26. My favorite subject is English
→ I _____
27. She wants a T-shirt in blue
→ She would _____

THE END

